

Bản án số: **25/2021/DS-ST**

Ngày: 28/9/2021.

“V/v: *Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K-TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh;

2. Ông Đỗ Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông N Trường Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2021/TLST-DS ngày 22/6/2021. Về việc: “**Tranh chấp về hợp đồng tín dụng**”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-DS ngày 16/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-DS ngày 09/9/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội.

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo Linh Đàm, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Thu H - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện K, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: Số 265 Q, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Thúy N, sinh N 1982; địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn N, sinh N 1983; địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Bà H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bà N và ông N vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2021 được bổ sung tại 02 Bản tự khai ngày 22/6/2021 và ngày 10/8/2021, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đinh Thị Thu H trình bày:

Vào ngày 18/5/2016, bà Lê Thị Thúy N đã vay vốn tín dụng ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) thông qua Phòng

giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện K, tỉnh Gia Lai, với số tiền là nợ gốc là 50.000.000 đồng (*N mươi triệu đồng*), theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 4200021523; mục đích sử dụng tiền vay: Chăn nuôi bò sinh sản; thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 18/5/2016, lãi suất cho vay là 9%/N, lãi suất quá hạn được tính bằng 130% lãi suất trong hạn, hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay tín chấp. Trong quá trình vay vốn, vào ngày 18/8/2017, bà N đã đề nghị chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng từ tiền gửi tiết kiệm của bà tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện K, tỉnh Gia Lai sang để trừ một phần khoản tiền nợ gốc của khoản vay này nên số dư nợ gốc còn lại là 45.000.000 đồng (*bốn mươi lăm triệu đồng*), đồng thời tiền từ khoản gửi tiết kiệm cũng được chuyển sang để trả lãi cho khoản vay.

Theo thỏa thuận với Ngân hàng tại thời điểm vay thì bà N là người vay và ông N là người thừa kế món vay, hàng tháng gia đình bà N phải trả lãi cho Ngân hàng, tuy nhiên bà N- ông N đã không thực hiện đúng thỏa thuận nên ngày 18/5/2019 Ngân hàng đã chuyển sang lãi quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở gia đình bà N-ông N trả nợ nhưng bà N-ông N không trả khoản tiền đã vay cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Thúy N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 45.000.000 đồng (*bốn mươi lăm triệu đồng*), bao gồm: 45.000.000 đồng nợ gốc, 0 đồng nợ lãi (*tính đến ngày 18/6/2021*).

Tại bản tự khai bổ sung ngày 10/8/2021, Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu bà N-ông N phải trả số tiền nợ gốc là 45.000.000 đồng và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu bà N-ông N phải trả các khoản tiền lãi tiếp tục phát sinh từ hợp đồng vay vốn. Như vậy, Ngân hàng yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Thúy N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 45.000.000 đồng (*bốn mươi lăm triệu đồng*).

Các tài liệu, chứng cứ sao y bản chính được nguyên đơn giao nộp, gồm:

-01 Quyết định V/v ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019;

-01 Sổ vay vốn họ tên người vay Lê Thị Thúy N;

-01 Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay- thu nợ- dự nợ của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện K, tỉnh Gia Lai đối với chị Lê Thị Thúy N;

- 01 Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 20/4/2016 của chị Lê Thị Thúy N;

Đối với bị đơn bà Lê Thị Thúy N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã triệu tập ông, bà đến Tòa án làm việc để nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, làm bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải do Tòa án tổ chức. Nhưng do ông, bà thường xuyên vắng mặt tại địa chỉ cư trú là Thôn 5, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai; khi đi ông, bà không thông báo địa chỉ mới của mình cho Ngân hàng và chính quyền địa phương biết nên Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để ông, bà thực hiện quyền và nghĩa vụ nhưng bà N-ông N không chấp

hành. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự N 2015.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

Bà Lê Thị Thúy N và ông Nguyễn Văn N, có địa chỉ tại Thôn 5, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai, điều này thể hiện qua Biên bản xác minh ngày 23/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, Trưởng Công an xã Đ cung cấp thông tin về nhân thân, hộ khẩu thường trú của bà N-ông N.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147, 179, 180, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự N 2015; Áp dụng các Điều 117, 118, 119, 280, 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự N 2015; Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng N 2010, sửa đổi bổ sung N 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội, buộc bị đơn bà Lê Thị Thúy N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 45.000.000 đồng (*bốn mươi lăm triệu đồng*).

Buộc bị đơn bà Lê Thị Thúy N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Ngân hàng Chính sách xã hội khởi kiện yêu cầu người vay là bị đơn bà Lê Thị Thúy N và người thừa kế món vay là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N có địa chỉ tại Thôn 5, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai phải trả số tiền còn nợ theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 4200021523 đã ký kết. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là vụ án “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai thông báo, tổng đạt (niêm yết) hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập bà N-ông N đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng bà N-ông N đều vắng mặt không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là bà Đinh Thị Thu H vắng mặt nhưng bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự N 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét Sổ vay vốn có mã khách hàng 4200021523 được ký kết giữa Ngân hàng với bà N thấy rằng hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký của bà Lê Thị Thúy N và ông Nguyễn Văn N chủ thể tham gia hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp theo quy định tại các Điều 117, Điều 118, và Điều 119 của Bộ luật Dân sự N 2015.

Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 20/4/2016 và Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay- thu nợ- dự nợ của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện K, tỉnh Gia Lai đối với bà Lê Thị Thúy N đã thể hiện rõ vào ngày 18/5/2016 bà Lê Thị Thúy N đã vay vốn tín dụng ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện K, tỉnh Gia Lai, với số tiền là nợ gốc là 50.000.000 đồng; mục đích sử dụng tiền vay: Chăn nuôi bò sinh sản; thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 18/5/2016, lãi suất cho vay là 9%/N, lãi suất quá hạn được tính bằng 130% lãi suất trong hạn, hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay tín chấp. Vào ngày 18/8/2017, bà N đã trả được 5.000.000 đồng nợ gốc nên số dư nợ gốc còn lại là 45.000.000 đồng (*bốn mươi lăm triệu đồng*).

Sau khi vay tiền bà N-ông N đã sử dụng vốn vay không hiệu quả, đã không trả được tiền nợ gốc và lãi theo cam kết mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở bà N-ông N trả nợ. Bà N-ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên buộc Ngân hàng phải chuyển thành nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu bà N-ông N thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N-ông N đã bỏ đi khỏi địa phương nên luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập đến làm việc, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bà N-ông N đã tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, không trình bày quan điểm về nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Thúy N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N phải trả các khoản tiền lãi phát sinh từ hợp đồng vay vốn, Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là phù hợp nên cần được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự N 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Lê Thị Thúy N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc là 45.000.000 đồng (*bốn mươi lăm triệu đồng*) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 45.000.000 đồng x 5% = 2.250.000 đồng.

[4] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (gọi tắt là chi phí đăng tin, báo): Đã được giải quyết xong tại vụ án dân sự thụ lý số 71/2021/TLST-DS ngày 22/6/2021 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 144, Điều 147; Điều 179; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự N 2015;

Áp dụng các Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự N 2015;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng N 2010, sửa đổi bổ sung N 2017;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội, cụ thể như sau:

Buộc bị đơn bà Lê Thị Thúy N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện K, tỉnh Gia Lai số tiền nợ gốc phát sinh từ Hợp đồng tín dụng theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 4200021523 là 45.000.000 đồng (*bốn mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi người phải thi hành án thi hành án xong khoản tiền nợ nói trên (45.000.000 đồng), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự N 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn bà Lê Thị Thúy N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N phải chịu 2.250.000 đồng (*hai triệu, hai trăm N mươi nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện K, tỉnh Gia Lai số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.125.000 đồng (*một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003789 ngày 21/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Ngọc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

TP-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA